**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường: THPT Long Mỹ** | Họ và tên giáo viên: |
| **Tổ: Sinh – Công Nghệ** | Phạm Thị Kim Uyên |

**CHƯƠNG 1: TRAO ĐỔI CHẤT VÀ CHUYỂN HÓA NĂNG LƯỢNG Ở SINH VẬT**

**BÀI 12: MIỄN DỊCH Ở ĐỘNG VẬT VÀ NGƯỜI**

Môn Sinh học; Lớp: 11

Thời gian thực hiện: 2 tiết

**I. MỤC TIÊU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | **MÃ HÓA** |
| 1. Về năng lực | | |
| a. Năng lực sinh học | | |
| Nhận thức sinh học | Nêu được các nguyên nhân bên trong và bên ngoài gây nên các bệnh ở động vật và người. | SH 1.1.1 |
| Phát biểu được khái niệm miễn dịch. | SH 1.1.2 |
| Mô tả được khái quát về hệ miễn dịch ở người: các tuyến và vai trò của mỗi tuyến. | SH 1.1.3 |
| Phân biệt được miễn dịch không đặc hiệu và miễn dịch đặc hiệu. | SH1.5 |
| Trình bày được cơ chế mắc bệnh và cơ chế chống bệnh ở động vật. | SH 1.2.1 |
| Giải thích được vì sao nguy cơ mắc bệnh ở người rất lớn nhưng xác suất bị bệnh rất nhỏ. | SH 1.6.1 |
| Giải thích được cơ sở của hiện tượng dị ứng với chất kích thích, thức ăn; cơ chế thử phản ứng khi tiêm kháng sinh. | SH 1.6.2 |
| Trình bày được quá trình phá vỡ hệ miễn dịch của các tác nhân gây bệnh trong cơ thể người bệnh: HIV, ung thư, tự miễn. | SH 1.2.2 |
| Phân tích được vai trò của việc chủ động tiêm phòng vaccine. | SH1.4 |
| Tìm hiểu thế giới sống | Điều tra việc thực hiện tiêm phòng bệnh, dịch trong trường học hoặc tại địa phương. | SH 2.4 |
| Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học | Có ý thức về tầm quan trọng của việc bảo vệ sức khoẻ cá nhân và cộng đồng, bảo vệ môi trường; đề xuất được một số biện pháp bảo vệ sức khoẻ hệ miễn dịch. | SH 3.2 |
| **b. Năng lực chung** | | |
| Giao tiếp và hợp tác | Luôn chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập về hệ miễn dịch. | TCTH1 |
| Tự chủ và tự học | Biết chủ động trong giao tiếp; tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người. | GTHT1.5 |
| **2. Về phẩm chất** | | |
| Chăm chỉ | Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập, có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập. | CC 1.2 |
| Trách nhiệm | Sẵn sàng chịu trách nhiệm về những lời nói và hành động của bản thân. | TN 1.3 |

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

* Hình ảnh về cơ chế đáp ứng miễn dịch ở người, một số loại vaccine phổ biến, một số hiện tượng dị ứng.
* Các câu hỏi liên quan đến bài học.
* Máy tính, máy chiếu.

1. Đối với học sinh

* Bảng trắng, bút lông.
* Giấy A4, giấy A0.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU (5 phút)**  **a) Mục tiêu:** Nhận biết được nội dung học tập là nguyên nhân gây bệnh, miễn dịch ở người và động vật.  **b) Tổ chức thực hiện**  ***Cách 1: GV đặt vấn để theo gợi ý trong SGK.***  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  Yêu cầu HS trả lời nhanh câu hỏi: Ở người, khi tiếp xúc cùng một tác nhân gây bệnh, có những người sẽ mắc bệnh do tác nhân đó gây ra nhưng một số người khác thì không. Hiện tượng này được giải thích như thế nào?  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  HS thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  HS trình bày trước lớp.  ***\* Kết luận, nhận định:***  GV không nhận xét, đánh giá chỉ dẫn dắt học sinh vào bài mới.  **Cách 2: Cho HS xem video về “cái chết đen”**  **\* Giao nhiệm vụ học tập:**  Yêu cầu HS trả lời nhanh câu hỏi:  - Cái chết đen là tên gọi của đại dịch nào?  - Hậu quả của bệnh dịch hạch?  - Hiện nay, dịch hạch còn xảy ra hay không?  **HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (70 phút)**  **Hoạt động 2. 1. Tìm hiểu nguyên nhân gây ra các bệnh ở động vật và người (5 phút)**  **a) Mục tiêu:** SH 1.1.1; TCTH 1; SH 3.2; TN 1.3.  **b) Tổ chức thực hiện**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  GV tổ chức trò chơi "Ai nhanh hơn?" (GV chuẩn bị một số hình ảnh về một số nguyên nhân gây ra các bệnh ở động vật và người cũng như các hình ảnh không phải nguyên nhân gây bệnh,... Giáo viên yêu cầu HS xác định hình ảnh nào là nguyên nhân gây ra các bệnh ở động vật và người, từ đó cho HS rút ra kết luận) kết hợp sử dụng phương pháp dạy học trực quan và hỏi - đáp để hướng dẫn và gợi ý cho HS thảo luận hoàn thành câu hỏi 1 trong SGK trang 74.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***   |  |  | | --- | --- | | Nguyên nhân bên ngoài | Nguyên nhân bên trong | | - Với động vật bệnh, chứa mầm bệnh: …….  - An toàn TP: ………………………………  - Môi trường: ……………………………..  - Với người bệnh: …………………………  - Môi trường làm việc: …………………..  Kết luận:  + Tác nhân sinh học: ………………………..  + Tác nhân vật lí: ……………………….  + Tác nhân hóa học: ………………….. | …………………………  …………………………  ……………………… |   HS thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV bằng cách hoàn thành bảng sau:  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  HS trình bày trước lớp.  ***\* Kết luận, nhận định:***  **- HS** nhận xét, bổ sung cho nhau.  - GV nhận xét, đánh giá trực tiếp bằng cách cho điểm thưởng (0.5 điểm/ câu trả lời đúng).  **Hoạt động 2.2. Đáp ứng miễn dịch ở động vật và người (50 phút)**  **Hoạt động 2.2.1. Tìm hiểu khái niệm miễn dịch (5 phút)**  **a) Mục tiêu:** SH 1.1.2; TCTH 1; CC 1.2.  **b) Tổ chức thực hiện**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  GV sử dụng phương pháp hỏi - đáp để hướng dẫn và gợi ý cho HS thảo luận nội dung câu hỏi 2 trong SGK trang 75.  Câu 2. Thế nào là miễn dịch? Miễn dịch có vai trò như thế nào đối với động vật và người?  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  HS thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV: tìm kiếm thông tin và trả lời câu hỏi.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  HS trình bày trước lớp.  Câu 2. Miễn dịch giúp cơ thể động vật và người có khả năng chống lại sự xâm nhập của các tác nhân lạ vào cơ thể nhằm bảo vệ cơ thể tránh những tổn thương có thể xảy ra; giữ cho cơ thể được khoẻ mạnh và đảm bảo sự tồn tại của sinh vật.  ***\* Kết luận, nhận định:***  **- HS** nhận xét trực tiếp và bổ sung (nếu có)  - GV nhận xét, chỉnh sửa dẫn dắt vào kiến thức cần ghi nhớ.  Hoạt động **2.2.2. Tìm hiểu hệ miễn dịch** ở **người (15 phút)**  **a) Mục tiêu:** SH 1.1.3; SH 1.2.1; TCTH 1.  **b) Tổ chức thực hiện:**  **\* Giao nhiệm vụ học tập:**  GV sử dụng phương pháp hỏi - đáp kết hợp kĩ thuật think- palr- share để hướng dẫn và gợi ý cho HS thảo luận nội dung câu 3 trong SGK trang 75.  Câu 3. Quan sát Hình 12.2 và cho biết hàng rào bảo vệ của cơ thể gồm những thành phần nào. Khi có tác nhân gây bệnh xâm nhập vào cơ thể, hệ miễn dịch sẽ tiêu diệt các tác nhân đó bằng những cách nào?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV: tìm kiếm thông tin và điền vào bảng sau:   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Hệ miễn dịch ở người | | | | | | | | Hàng rào bảo vệ bên ngoài | | | | | Hàng rào bảo vệ bên trong | | |  | |  |  | |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |   **\* Báo cáo, thảo luận:**  HS trình bày trước lớp (mỗi HS chỉ cần trình bày 1 ý)  **\* Kết luận, nhận định:**  **- HS** nhận xét lẫn nhau và cho điểm.  - GV không nhận xét, đánh giá chỉ nhận xét phần học sinh đánh giá lẫn nhau và hướng học sinh vào kiến thức cốt lõi.  **Hoạt động 2.2.3. Tìm hiểu các loại miễn dịch (30 phút)**  ***Hoạt động 2.2.3.1. Tìm hiểu miễn dịch không đặc hiệu. (15 Phút)***  **a) Mục tiêu:** SH 1.5; SH 1.2.1; SH 1.6.1; SH 3.2; TCTH 1; GTHT 1.5.  **b) Tổ chức thực hiện**  **\* Giao nhiệm vụ học tập:**  GV sử dụng phương pháp dạy học trực quan kết hợp đàm thọai nêu vấn đề để hướng dẫn và gợi ý cho HS thảo luận nội dung trong SGK và hướng dẫn HS phân tích Hình 12.3 để làm rõ tác dụng của các hàng rào bảo vệ trong đáp ứng miễn dịch không đặc hiệu.  **Câu 4:**  **-** Nêu đặc điểm của miễn dịch không đặc hiệu.  - Trong miễn dịch không đặc hiệu, cơ thể sẽ được bảo vệ bởi những hàng rào bảo vệ nào?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thực hiện nhiệm vụ bằng cách tìm kiếm thông tin và trả lời câu hỏi số 4.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  HS trình bày trước lớp:  - Miễn dịch không đặc hiệu: Động vật sinh ra đã có, không cần có sự tiếp xúc trước với kháng nguyên, không có tính đặc hiệu đối với tác nhân gây bệnh, di truyền được.  - Hàng rào bảo vệ: Da và niêm mạc đóng vai trò quan trọng trong việc ngăn cách giữa môi trường bên ngoài và bên trong cơ thể, có tác dụng cản trở cơ học các tác nhân gây hại.  Tác dụng bảo vệ của da và niêm mạc còn được tăng cường bởi một số yếu tố hoá học như lactic acid và acid béo trong mồ hôi, dịch nhầy do niêm mạc và các tuyến tiết ra. Các yếu tố hoá học này giúp tiêu diệt các tác nhân gây hại.  **\* Kết luận, nhận định:**  - HS nhận xét bổ sung cho nhau.  - GV không nhận xét, đánh giá chỉ hướng HS đến phương án đúng.  ***Hoạt động 2.2.3.2. Tìm hiểu miễn dịch đặc hiệu. ( 15 Phút)***  **a) Mục tiêu:** SH 1.5; SH 1.2.1; SH 1.6.1; TCTH 1; GTHT 1.5.  **b) Tổ chức thực hiện**  **\* Giao nhiệm vụ học tập:**  GV sử dụng phương pháp dạy học trực quan kết hợp hỏi - đáp nêu vấn đề để hướng dẫn và gợi ý cho HS thảo luận nội dung trong SGK và trả lời câu 5 và 6.  Câu 5. Quan sát Hình 12.4, hãy cho biết vai trò của các loại tế bào tham gia đáp ứng miễn dịch đặc hiệu bằng cách hoàn thành bảng kiến thức (phần báo cáo, thảo luận).  Câu 6. Phân biệt miễn dịch không đặc hiệu và miễn dịch đặc hiệu.  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thực hiện nhiệm vụ bằng cách hoàn thành bảng kiến thức (phần báo cáo, thảo luận)  **\* Báo cáo, thảo luận:**  HS trình bày trước lớp.  **Câu 5.**   |  |  | | --- | --- | | Loai tế bào | Vai trò | | Trình diện kháng nguyên | Bắt giữ kháng nguyên và trình diện cho tế bào T. | | Tế bào T hỗ trợ | Hoạt hoá và tăng sinh các loại tế bào T độc, tế bào T và B hỗ trợ nhớ. | | Tế bào T độc | Tiết ra chất độc để làm tan các tế bào có kháng nguyên lạ (tế bào nhiễm virus, các tế bào ung thư, các thể kí sinh). | | Đai thực bào, tế bào giết tự nhiên,... | Làm tan các tế bào bị lây nhiễm. | | Tế bào B và T nhớ | Ghi nhớ các kháng nguyên để khi chúng tái xâm nhập, cơ thể sẽ tạo đáp ứng miễn dịch thứ phát. |   Câu 6.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Tiêu chí | Miễn dịch không đặc hiệu | Miễn dịch đặc hiệu | | Tính đặc hiệu | Không cần có sự tiếp xúc trước với kháng nguyên. | Phản ứng đặc hiệu đối với một kháng nguyên nhất định. | | Cơ chế miễn dịch | Các yếu tố bào vệ tự nhiên của cơ thể (da, niêm mạc, các dịch tiết của cơ thể) và các đáp ứng miễn dịch không đặc hiệu (viêm, sốt, tạo các peptide và protein kháng khuẩn) | Gồm hai loai:  + Miễn dịch dịch thể: là miễn dịch có sự tham gia của các kháng thể.  + Miễn dịch qua trung gian tế bào: là miễn dịch có sự tham gia của tế bào lympho T độc. | | Tế bào tham gia | Dưỡng bào, bạch cầu đơn nhân, bạch cầu trung tính, tiểu thực bào, đại thực bào, tế bào giết tự nhiên và các tế bào trình diện kháng nguyên (tế bào B, tế bào có tua, đại thực bào,...). | Các tế bào lympho B và lympho T. | | Khả năng ghi nhớ miễn dịch | Không. | Có khả năng ghi nhớ nhờ các tế bào lympho B và lympho T nhớ. | | Tính hiệu quả | Thấp. | Cao. | | Thời gian xảy ra | 0-12 giờ. | Miễn dịch nguyên phát: 7-10 ngày.  Miễn dịch thứ phát: 2-3 ngày. |   **\* Kết luận, nhận định:**  - HS nhận xét bằng cách bổ sung kiến thức vào bảng.  - GV không nhận xét, đánh giá chỉ hướng dẫn để học sinh hoàn thiện các bảng kiến thức trên.  **Hoạt động 2. 3. Tìm hiểu Bảo vệ sức khoẻ ở người. ( 15 phút)**  **Hoạt động 2. 3. 1. Tìm hiểu quá trình phá vỡ hệ miễn dịch của một số tác nhân. (5 phút)**  **\* Giao nhiệm vụ học tập:**  GV sử dụng phương pháp hỏi - đáp kết hợp với kĩ thuật khăn trải bàn (mỗi HS viết ra giấy A4 hoặc giấy nháp; ý kiến thống nhất của nhóm viết vào một tờ giấy A4 khác) để hướng dẫn và gợi ý cho HS thảo luận nội dung trong SGK.  GV có thể đặt câu hỏi gợi mở: "Hãy kể tên một số tác nhân có thể phá vỡ hệ miễn dịch của cơ thể người". Sau đó, GV chốt lại nội dung và dẫn dắt HS tìm hiểu ba tác nhân chính như nội dung SGK.  GV chia lớp thành ba hoặc sáu nhóm (nếu sáu nhóm thì sẽ có hai nhóm thực hiện cùng nội dung), mỗi nhóm thực hiện một nhiệm vụ độc lập:   * Nội dung 1: Trả lời câu hỏi 7. * Nội dung 2: Trả lời câu hỏi 8. * Nội dung 3: Trả lời câu hỏi 9.   Nhiệm vụ chung: Hãy cho biết vai trò của việc bảo vệ môi trường trong phòng chống các bệnh ở người.  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thực hiện nhiệm vụ bằng cách tìm kiếm thông tin và trả lời các câu hỏi được giao.  HS trình bày trước lớp:  **Câu 7. Hãy dự đoán một số nguyên nhân có thể làm cho hệ miễn dịch bị tổn thương và suy giảm chức năng.**   * Rối lọan hoạt động chức năng của hệ miễn dịch. * Chế độ ăn uống không đảm bảo. * Sự tác động của các yếu tố vật lí, hoá học, sinh học, ô nhiễm môi trường,...   **Câu 8. Tại sao nói "Người nhiễm HIV không chết vì HIV mà chết vì các mầm bệnh cơ hội"?**  Khi HIV xâm nhập vào cơ thể người, chúng sẽ phá huỷ các tế bào bạch cầu lympho T, làm suy giảm miễn dịch ở người. Do đó, người bệnh sẽ mất khả năng đề kháng. Lúc này, các loài vi sinh vật cơ hội xâm nhập gây ra các bệnh khác nhau, do hoạt động của hệ miễn dịch bị suy giảm, không thể tiêu diệt các tác nhân này nên bệnh ngày càng nghiêm trọng dẫn đến tử vong.  **Câu 9. Ở người, tai sao các tế bào ung thư khó bị phát hiện bởi hệ miễn dịch?**  + Các tế bào ung thư sản xuất các loại protein mà cơ thể đã được dung nạp từ trước hoặc các loại kháng nguyên ung thư với hàm lượng rất ít làm cho cơ thể không nhận diện được, không đủ để kích thích miễn dịch dẫn đến các tế bào ung thư đó phát triển nhanh chóng. Một số tế bào ung thư bị đột biến sản sinh các protein làm mất khả năng nhận biết của các tế bào lympho T dẫn đến ung thư phát triển và di căn. Ngoài ra, sản phẩm của một số tế bào ung thư cũng gây suy giảm miễn dịch ở người.Thông tin bổ sung  + Sự "tránh né" hệ miễn dịch của tế bào ung thư. Các tế bào ung thư có khả năng "tránh né" sự phát hiện của hệ miễn dịch nhờ một số cơ chế:  - Một số tế bào ung thư có khả năng sinh miễn dịch yếu do các phân tử MHC cần cho việc gắn và trình diện kháng nguyên đã được thay đổi bởi các tế bào ung thư, do đó, MHC trên màng tế bào ung thư không được biểu hiện (MHC - major histocompatibility complex, phức hệ hoà hợp mô chính, là các protein của tế bào trình diện kháng nguyên có khả năng gắn với một mảnh kháng nguyên lạ dẫn đến sự trình diện kháng nguyên cho tế bào lympho T).  - Cơ thể đã có hiện tượng dung nạp với một số kháng nguyên ung thư lúc mới sinh hoặc tế bào ung thư mang loại kháng nguyên đã được dung nạp.  - Các tế bào ung thư sản xuất một lượng kháng nguyên quá ít nên cơ thể không nhận diện được hoặc không đủ để kích thích đáp ứng miễn dịch.  - Protein do một số tế bào ung thư đột biến sản sinh không có khả năng gây đáp ứng miễn dịch, đặc biệt các tế bào ác tính có thể làm mất kháng nguyên nên các tế bào lympho T không thể nhận biết.  - Các tế bào ung thư có một số cơ chế làm cho cơ thể không nhận biết được kháng nguyên ung thư như: màng sinh chất có hàm lượng glycocalyx cao, kháng nguyên chìm vào trong tế bào ung thư,...  ***Hãy cho biết vai trò của việc bảo vệ môi trường trong phòng chống các bệnh ở người.***  Việc bảo vệ môi trường có vai trò rất quan trọng đối với phòng chống các bệnh ở người. Giữ cho môi trường sống luôn sạch sẽ giúp hạn chế sự phát triển của các loài sinh vật gây bệnh cũng như những vật trung gian truyền bệnh, hạn chế sự tiếp xúc giữa cơ thể với các tác nhân môi trường (chất độc hại, bụi,...). Nhờ đó, giúp phòng chống các bệnh ở người.  **\* Kết luận, nhận định:**  - Các nhóm lần lượt nhận xét phần nội dung trình bày tóm tắt các ý kiến chung của nhóm bạn  - GV nhận xét, đánh giá, tổng kết.  **Hoạt động 2.3. 1. Tìm hiểu hiện tượng dị ứng và cơ chế thử phản ứng khi tiêm kháng sinh. (5 phút)**  **a) Mục tiêu:** SH 1.6.2; TCTH 1; GTHT 1.5; cc 1.2.  **b) Tổ chức thực hiện**  **\* Giao nhiệm vụ học tập:**  GV sử dụng kĩ thuật think - pair - share kết hợp phương pháp hỏi - đáp để hướng dẫn và gợi ý cho HS thảo luận nội dung trong SGK.  Câu 10. Hãy hoàn thành bảng sau về một số hiện tượng dị ứng mà em biết (phần báo cáo, thảo luận).  Câu 11. Sau khi tiêm kháng sinh (hay vaccine), cơ thể chúng ta có thể xuất hiện những phản ứng gì? Tại sao lại có những phản ứng đó?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  HS trình bày trước lớp:  Câu 10.   |  |  | | --- | --- | | Tác nhân gây dị ứng | Hiện tượng dị ứng | | Phấn hoa, nước hoa | Hắt hơi | | Thức ăn (tôm, cua,...) | Ngứa, nổi ban đỏ | | Sữa | Khó tiêu, nôn mửa |   Câu 11. Các phản ứng có thể xảy ra sau khi tiêm kháng sinh (hay vaccine): sốt, mệt mỏi, đau nhức cơ,... Các phản ứng trên xảy ra sau khi tiêm vaccine là do cơ thể tiếp xúc với tác nhân lạ (như kháng nguyên trong vaccine) dẫn đến hệ thống miễn dịch của cơ thể nhận biết và gây phản ứng đáp ứng miễn dịch như hình thành kháng thể, tiêu diệt kháng nguyên.  **\* Kết luận, nhận định:**  - HS nhận xét, bổ sung cho nhau.  - GV nhận xét, đánh giá dựa trên kết quả nhận xét của học sinh cho điểm khuyến khích.  **Hoạt động 2. 3. 3. Tìm hiểu vai trò của vaccine và tiêm phòng bệnh, dịch. (5 phút)**  ***a).* Mụctiêu:** SH 1.4; CC 1.2; TCTH 1; TN 1.3.  ***b)* Tổ chức thực hiện**  **\* Giao nhiệm vụ học tập:**  - GV sử dụng phương pháp dạy học trực quan, hỏỉ - đáp nêu vấn đề kết hợp với kĩ thuật khăn trải bàn (mỗi HS viết ra giấy A4 hoặc giấy nháp; ý kiến thống nhất của nhóm viết vào một tờ giấy A4 khác) để hướng dẫn và gợi ý cho HS thảo luận nội dung trong SGK.  Câu 12. Hãy kể tên một số loại vaccine em đã được tiêm và cho biết tiêm các loại vaccine đó để phòng những bệnh gì?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm thông tin theo gợi ý của GV.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  HS trình bày trước lớp:  Một số loại vaccine   * AstraZeneca, Pfìzer: phòng Covid-19. * Gardasil: phòng bệnh ung thư cổ tử cung. * MMR II (3 in 1): phòng các bệnh sởi, quai bị, rubella. * Engerix B: phòng bệnh viêm gan B.   **\* Kết luận, nhận định:**  - HS đánh giá lẫn nhau bằng cách xác định đúng/ sai.  - GV không nhận xét, đánh giá.  **HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP ( 10 phút)**  **a) Mục tiêu:** SH 1.1.1; SH 1.1.2; SH 1.1.3; SH 1.5; SH 1.2.1; SH 1.6.1; SH 1.6.2  SH 1.2.2; SH 1.4  **b) Tổ chức thực hiện**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  - Giáo viên nêu câu hỏi hoặc tổ chức trò chơi “**Cuộc đua kỳ thú**”. GV chia lớp thành 4 đội GV in hoặc vẽ bản đồ lên bảng và số thẻ bài ứng với các câu hỏi trắc nghiệm đã được đánh số thứ tự tương ứng với các nấc trong bản đồ tương ứng. Đại diện các nhóm lần lượt gieo xúc xắc và trả lời các câu hỏi trong các thẻ bài tương ứng với con số đã gieo được và di chuyển theo hướng dẫn trên bản đồ. Trò chơi kết thức khi có đội về đến ô FINISH trước tiên.   |  |  | | --- | --- | | Diagram, arrow  Description automatically generated | Perfeclan 1 Cái Xốp Xúc Xắc-Nhiều Màu Sắc Lớn Khối Hình Vuông-Hoàn Hảo Cho  Xây Dựng Đồ Chơi Giáo Dục toán Học Giảng Dạy Trò Tiêu Khiển Dự Tiệc Và Tiếp  Liệu |   Câu 1. Những tế bào nào trong hệ thống miễn dịch được gọi là tế bào T và tế bào B?   1. Tế bào trung gian. B. Tế bào trung tâm.   C. Tế bào lympho. D. Tế bào hồng cầu  Câu 2. Những tế bào nào trong hệ thống miễn dịch giúp phát hiện và tiêu diệt tế bào lạ?   1. Tế bào T. B. Tế bào B.   C. Tế bào T hỗ trợ. D. Cả 3 câu trên.  Câu 3. Miễn dịch bẩm sinh được sinh ra từ đâu?  A. Được kế thừa từ cha mẹ.  B. Hệ thống miễn dịch thích nghi sau khi tiếp xúc với chất gây bệnh.  C. Chất lượng dinh dưỡng tốt.  D. Từ thuốc và tiêm vắc xin.  Câu 4. Tiêm vắc xin giúp hệ thống miễn dịch làm gì?   1. Giúp sản xuất kháng thể để phòng ngừa bệnh   B. Tiêu diệt tế bào lạ trong cơ thể  C. Tăng cường sức đề kháng tự nhiên của cơ thể  D. Cả 3 câu trên  Câu 5. Tế bào nào giúp giải phóng histamine trong phản ứng dị ứng và viêm?  A. Tế bào T B. Tế bào B C. Dưỡng bào D. Tế bào hồng cầu.  Câu 6. Chất gì được sản xuất bởi tế bào B để tiêu diệt vi khuẩn và virus trong cơ thể?  A. Enzyme B. Hormone C. Kháng thể D. Phân tử thần kinh.  Câu 7. Những bệnh gì không thể được phòng ngừa bằng tiêm vắc xin?  A. Sởi B. Viêm gan B C. Cúm D. AIDS.  Câu 8. Trong cơ thể người, thành phần nào dưới đây không phải là một bộ phận của miễn dịch không đặc hiệu ?  A. Kháng thể do tế bào limphô B tiết ra B. Dịch axit của dạ dày  C. Hệ thống nhung mao trong đường hô hấp D. Đại thực bào và bạch cầu trung tính  Câu 9: Miễn dịch đặc hiệu được chia làm 2 loại, đó là:  A. miễn dịch thể dịch và miễn dịch đặc hiệu  B. miễn dịch tập nhiễm và miễn dịch tế bào.  C. miễn dịch không đặc hiệu và miễn dịch đặc hiệu.  D. miễn dịch thể dịch và miễn dịch tế bào.  Câu 10: Trong nhóm bệnh do virut gây ra, loại miễn dịch nào đóng vai trò chủ lực ?  A. Miễn dịch tế bào B. Miễn dịch thể dịch  C. Miễn dịch tập nhiễm D. Miễn dịch không đặc hiệu  Câu 11. Miễn dịch không đặc hiệu bao gồm những loại nào?  1. Da và niêm mạc. 2. Hệ thống nhung mao trong đường hô hấp.  3. Dịch axit của dạ dày 4. Kháng thể. 5. Nước mắt, nước tiểu.  A. 1,2,3,4,5. B. 1,4,5. C. 1,2,3,4. D. 1,2,3,5.  Câu 12. Miễn dịch không đòi hỏi cơ thể phải tiếp xúc trước với kháng nguyên goi là gì?  A. Miễn dịch thể dịch. B. Miễn dịch tế bào.  C. Miễn dịch đặc hiệu. D. Miễn dịch không đặc hiệu.  Câu 13. Miễn dịch không đặc hiệu có vài trò quan trọng khi nào?  A. Khi cơ thể đã tiếp xúc nhiều lần với tác nhân gây bệnh.  B. Khi cơ thể lần đầu tiếp xúc với tác nhân gây bệnh.  C. Khi miễn dịch đặc hiệu chưa phát huy được tác dụng.  D. Khi miễn dịch đặc hiệu đã phát huy tác dụng.  Câu 14. Miễn dịch đặc hiệu bao gồm những loại nào?  A. Miễn dịch tế bào, miễn dịch thể dịch. B. Miễn dịch cơ thể, miễn dịch thể dịch.  C. Miễn dịch tế bào, miễn dịch cơ thể. D. Miễn dịch tế bào, miễn dịch cơ quan, miễn dịch cơ thể.  Câu 15. Những chất lạ, xâm nhập vào cơ thể làm cơ thể tạo đáp ứng miễn dịch thì được gọi là gì?  A. Kháng thể. B. Kháng nguyên. C. Miễn dịch. D. Bệnh truyền nhiễm.  Câu 16. Loại protein được cơ thể sản xuất ra để đáp trả sự xâm nhập của những chất lạ gọi là?  A. Kháng thể. B. Kháng nguyên. C. Miễn dịch. D. Bệnh truyền nhiễm.  Câu 17. Nguyên tắc hoạt động của kháng nguyên và kháng thể là gì?  A. Tất cả kháng thể đều chống lại được kháng nguyên lạ.  B. Khi có kháng nguyên, cơ thể sẽ hình thành kháng thể đặc hiệu với kháng nguyên đó.  C. Kháng nguyên sẽ phản ứng với mọi loại kháng thể trong cơ thể.  D. Kháng thể có tính vạn năng, nghĩa là nó tiêu diệt mọi chất lạ xâm nhập vào cơ thể.  Câu 18. Miễn dịch tế bào là?  A. Tế bào T độc sẽ tiết ra protein độc làm tan tế bào nhiễm, khiến virut không nhân lên được.  B. Tế bào tạo ra kháng thể để ngăn cản virut xâm nhập, khiến virut không nhân lên được.  C. Tế bào tạo ra kháng thể để tiêu diệt virut xâm nhập, khiến virut không nhân lên được.  D. Sự ngăn cản virut xâm nhập vào tế bào thông qua lá chắn bảo vệ cơ thể.  Câu 19. Tại sao bệnh do virut gây ra thường khó tiêu diệt và dễ trở thành đại dịch?  A. Vì virut có kích thước nhỏ, lây lan nhanh trên diện rộng.  B. Vì virut có độc lực cao, nhân lên nhanh.  C. Vì virut có đọc lực mạnh, xuất hiện trước kháng thể, nhân lên nhanh, lây lan mạnh và khả năng đột biến tạo biến chủng mới rất nhanh.  D. Vì virut có độc lực cao, nhân lên nhanh và gây bệnh trên rất nhiều loài khác nhau.  Câu 20. Có bao nhiêu phát biểu sau đây là đúng?  1. Miễn dịch là khả năng có thể chống lại các tác nhân gây bệnh.  2. Miễn dịch không đặc hiệu quan trọng hơn miễn dịch đặc hiệu.  3. Đại thực bào và bạch cầu trung tính là miễn dịch đặc hiệu và tiêu diệt vi khuẩn theo có thế thực bào.  4. Miễn dịch đặc hiệu xảy ra khi kháng nguyên đã xâm nhập vào cơ thể.  A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - Các nhóm lần lượt gieo xúc xắc và thảo luận tìm câu trả lời.  - GV quan sát các nhóm hoạt động và hỗ trợ.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***   * - Đại diện các nhóm trả lời câu hỏi. Nếu trả đúng sẽ được tiếp tục tiến về phía trước theo bản đồ trò chơi, nếu trả lời sai sẽ nhường phần chơi cho đội khác.   ***\* Kết luận, nhận định:***  - GV yêu cầu các nhóm theo dõi các nhóm tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi.  - GV nhận xét (cơ sở cuối giờ chấm điểm) và chốt kiến thức.  **HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG ( 5 phút)**  ***a).* Mụctiêu:** SH 3.2; SH 2.4; CC 1.2; TCTH 1; TN 1.3.  ***b)* Tổ chức thực hiện**  **\* Giao nhiệm vụ học tập:**  **-** GV hướng dẫn HS thiết kế phiếu điều tra và bộ câu hỏi dựa trên các nội dung được yêu cầu; tiến hành điều tra tại các cơ sở y tế, bệnh viện,... tại địa phương để thu thập số liệu.  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm thông tin theo gợi ý của GV.  - HS có thể tiến hành khảo sát lí do từ những người không đồng ý tiêm vaccine theo nhiều hình thức như: phỏng vấn trực tiếp, phiếu khảo sát, thông tin từ báo chí,...  **\* Báo cáo, thảo luận:**  Tiến hành điều tra việc thực hiện tiêm phòng bệnh, dịch tại địa phương em thông qua các nội dung sau: đối tượng (vật nuôi, con người), loại bệnh (dịch), kế hoạch tiêm phòng, loại vaccine, tỉ lệ đã tiêm và chưa tiêm (nêu rõ lí do nếu chưa tiêm); đánh giá tính hiệu quả của công tác tiêm phòng.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV không nhận xét, đánh giá. |
|  |

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**A. NỘI DUNG DẠY HỌC CỐT LÕI**

|  |  |
| --- | --- |
| **BÀI 12. MIỄN DỊCH Ở ĐỘNG VẬT VÀ NGƯỜI** | |
| I. Nguyên nhân gây bệnh ở động vật và người | SGK trang 74 |
| II. Đáp ứng miễn dịch ở động vật và người. | SGK trang 75 |
| III. Bảo vệ sức khỏe ở người. | SGK trang 78 |

**B. CÁC HỒ SƠ KHÁC**

**‒ Sản phẩm**

+ Sản phẩm 1: Câu trả lời của HS.

+ Sản phẩm 2: Phiếu học tập số 1.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

**Hãy xác định nguyên nhân gây ra các bệnh ở động vật và người**

– Lớp: Nhóm thực hiện:

– Họ và tên thành viên:…………………………………………………………….

|  |  |
| --- | --- |
| Nguyên nhân bên ngoài | Nguyên nhân bên trong |
| - Với động vật bệnh, chứa mầm bệnh: …….  - An toàn TP: ………………………………  - Môi trường: ……………………………..  - Với người bệnh: …………………………  - Môi trường làm việc: …………………..  Kết luận:  + Tác nhân sinh học: ………………………..  + Tác nhân vật lí: ……………………….  + Tác nhân hóa học: ………………….. | …………………………  …………………………  ……………………… |

+ Sản phẩm 3: Phiếu học tập số 2.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

**Tìm hiểu miễn dịch không đặc hiệu và miễn dịch đặc hiệu.**

– Lớp: Nhóm thực hiện:

– Họ và tên thành viên:……………………………………………………………

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Miễn dịch không đặc hiệu | Miễn dịch đặc hiệu |
| Tính đặc hiệu |  |  |
| Cơ chế miễn dịch |  |  |
| Tế bào tham gia |  |  |
| Khả năng ghi nhớ miễn dịch |  |  |
| Tính hiệu quả |  |  |
| Thời gian xảy ra |  |  |

**‒ Công cụ đánh giá** (Xem phần phụ lục)

+ Công cụ 1: Bảng đánh giá kết quả trả lời hệ thống câu hỏi.

+ Công cụ 2: Bảng đánh giá kĩ năng làm việc nhóm của HS (HS tự đánh giá).

+ Công cụ 7: Thang đo đánh giá hoạt động học tập/hoàn thành phiếu học tập.